

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Ông Lê Trường Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-HN ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Kim C, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Thái Kim C trình bày: Về hôn nhân: Giữa chị C với anh N do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 178/HT, quyền số 01/2015, ngày 16/12/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình, còn có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên hay đánh vợ, chị C đã làm đơn xin ly hôn 02 lần, nhưng

muốn hàn gắn lại để cho anh N sửa chữa những thói hư tật xấu nên chị C đã rút đơn khởi kiện, nhưng anh N vẫn tánh nào tật nấy, không sửa đổi, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Chị C và anh N có 03 đứa con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/01/2013, Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 06/11/2015 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/11/2017, hiện cháu B và cháu T đang sống với chị Kim C, cháu P sống với anh N. Khi ly hôn chị Kim C yêu cầu được nuôi cháu B và cháu T, anh N nuôi cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và quan điểm.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh N vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị C khai đã cung cấp đầy đủ chứng cứ và giữ y quan điểm như khởi kiện, anh N vắng mặt.

Chị C, không cung cấp gì thêm. Anh N không cung cấp thêm chứng cứ.

Biên bản xác minh ngày 02/6/2023 của bà Võ Thị E, sinh năm 1942; cư trú: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Bà E là mẹ ruột anh Nguyễn Văn N cung cấp thông tin: Hôn nhân giữa chị C và anh N do hai người tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên C và N tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2015. Sau khi cưới nhau thì vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, eo hẹp về kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau, C đã làm đơn ly hôn hai lần nhưng muốn đoàn tụ nên đã rút đơn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Theo bà E, việc chị C xin ly hôn với anh N là hợp lý vì hai người đã mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Biên bản xác minh ngày 06/5/2023 Công an xã V cung cấp: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang hiện anh N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên.

Hội đồng xét xử công bố Biên bản xác minh ngày 02/6/2023 của bà Võ Thị E, Biên bản xác minh ngày 06/5/2023 Công an xã V, biên bản không lấy được lời khai anh Nguyễn Văn N ngày 06/5/2023, Biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng con chưa thành niên ngày 11/5/2023.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Thái Kim C và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2017 giữa chị C với anh N có phát sinh mâu thuẫn. Chị C và anh N đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị C xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị C với anh N có 03 đứa con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/01/2013, Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 06/11/2015 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/11/2017 hiện cháu B và cháu T đang sống với chị Kim C, cháu P sống với anh N. Khi ly hôn đề nghị giao cho chị Kim C được nuôi cháu B và cháu T, anh N nuôi cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Thái Kim C khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn N vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Biên bản xác minh ngày 06/5/2023 Công an xã V cung cấp: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang hiện anh N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa chị Thái Kim C với anh Nguyễn Văn N do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 178/HT, quyền số 01/2015, ngày 16/12/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình, còn có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên hay đánh vợ, chị C đã làm đơn xin ly hôn 02 lần, nhưng

muốn hàn gắn lại để cho anh N sửa chữa những thói hư tật xấu nên chị C đã rút đơn khởi kiện, nhưng anh N vẫn tánh náo tật nấy, không sửa đổi, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N..

Biên bản xác minh ngày 02/6/2023 của bà Võ Thị E, sinh năm 1942; cư trú: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Bà E là mẹ ruột anh Nguyễn Văn N cung cấp thông tin: Hôn nhân giữa chị C và anh N do hai người tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên C và N tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Sau khi cưới nhau thì vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, eo hẹp về kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau, C đã làm đơn ly hôn hai lần nhưng muốn đoàn tụ nên đã rút đơn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Theo bà E, việc chị C xin ly hôn với anh N là hợp lý vì hai người đã mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị C với anh N có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị C với anh N đã sống xa cách nhau từ năm 2019 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị C ly hôn đối với anh N.

[3] Về con chung: Chị Thái Kim C với anh Nguyễn Văn N có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/01/2013, Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 06/11/2015 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/11/2017 hiện cháu B và cháu T đang sống với chị Kim C, cháu P sống với anh N.

Xét thấy yêu cầu của chị Kim C hợp lý. Giao cho chị Kim C được nuôi cháu B và cháu T, anh N nuôi cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu B và cháu T muốn được sống với chị C.

Chị C, anh N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị C, anh N trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim C khai giữa chị với anh N không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh N với chị Kim C có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì anh N vẫn có quyền khởi kiện chị Kim C ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Thái Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Kim C được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0007546, ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Kim C.

Về hôn nhân: Chị Thái Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn N;

Giấy chứng nhận kết hôn số 178/HT, Quyền số: 01/2015, ngày 16/12/2015 do UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Thái Kim C với anh Nguyễn Văn N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cho chị Thái Kim C được nuôi dưỡng 02 đứa con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 06/11/2015, giao cho anh Nguyễn Văn N được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/11/2017 hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu B và cháu T muốn được sống với chị C.

Chị C, anh N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị C, anh N trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim C khai giữa chị với anh N không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh N với chị Kim C có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì anh N vẫn có quyền khởi kiện chị Kim C ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí: Chị Thái Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Kim C được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo

biên lai thu số 0007546, ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Nguyễn Văn N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh